

Tri thức về "con nước" vùng cửa sông và ven biển Tây Nam Bộ

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Văn hóa vùng biển Việt Nam vừa mang những đặc điểm chung của văn hoá Đông Nam Á, nhưng đồng thời cũng mang những đặc thù riêng bởi sự chi phối của hoàn cảnh không gian cư địa, thời gian hình thành và con người là chủ thể của sự sáng tạo văn hoá. Có thể thấy, từ hoa văn trang trí trên trống đồng Đông Sơn, Parmentier và Goloubew là những người đầu tiên phát hiện hình thuyền trên mặt trống đồng là hình thuyền đi biển. Đào Duy Anh có cùng một nhận định, đó là "thuyền chạy trên biển bằng buồm" và giải thích thêm "bánh lái ở mũi để đi khi ngược gió", dưới hình thuyền còn có hình các loại hải sản, như: cá đuối, cá heo, rùa biển đang bơi theo thuyền. Điều đó như một lời "chú giải" về chức năng của chiếc thuyền: đây là thuyền đang đi biển⁽¹⁾.

Tây Nam Bộ⁽²⁾ được hình thành từ những trầm tích phù sa và được bồi dần qua những kỷ nguyên thay đổi mực nước biển. Tây Nam Bộ có hệ sinh thái đa dạng: ngọt, lợ, mặn đan xen, có cảnh quan rừng đa dạng với rừng ngập mặn ven biển, rừng nguyên sinh (Phú Quốc), rừng Tràm (Đông Tháp Mười), rừng nhiệt đới lá rộng (Hải đảo, Bảy Núi, Phú Quốc, Côn Đảo). Thời tiết trong năm có hai mùa gồm mưa và khô, toàn vùng là một hệ thống mở biển nhịp với chế độ thủy văn.

Tri thức truyền thống (*tradition knowledge*), tri thức bản địa (*indigenous knowledge*), tri thức địa phương (*local knowledge*) đều đề cập đến kinh nghiệm thực hành thuần thực của cư dân địa phương, có quá trình nghiệm sinh trong một thời gian dài, được khẳng định ở một vùng cư trú, một cộng đồng địa phương. Tri thức đó phục vụ trực tiếp cho lợi ích, sinh kế và văn hóa tinh thần của con người. Với nghề đi biển, không phải có phương tiện hiện đại là có tất

cả; có những việc phải hỏi người dân địa phương, hoặc người quen có gốc gác sinh sống vùng ấy, nôm na là phải hỏi thăm "thổ địa" trong vùng. Kiến thức dân gian được thực hành, đúc kết qua nhiều đời vẫn luôn là người bạn đồng hành sinh tử trong những chuyến ra khơi của ngư dân. Việc mưu sinh của ngư dân vùng biển Tây Nam Bộ không dễ dàng vì nhiều lý do như đặc tính của biển, đảo, thủy triều, thủy lưu, tính chất bãi biển, ngư trường, chủng loài thủy hải sản không đồng nhất⁽³⁾. Thời tiết và khí hậu luôn là một trong những nhân tố của ngoại cảnh có tác động ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến năng suất mùa vụ và sinh kế. Mong muốn giải mã được những tín hiệu đằng sau những hiện tượng thời tiết và tự nhiên, để làm được điều đó, cư dân vùng cửa sông ven biển có cách của riêng mình, đó là thông qua thực hành, trải nghiệm và đúc kết, trong đó có những đúc kết tri thức về con nước là một phần quan trọng trong sinh kế của cư dân nơi đây.

Môi trường tự nhiên, địa lý của vùng biển Tây Nam Bộ, với biển, rừng và hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, 9 cửa sông chính⁽⁴⁾ và nhiều cửa nhỏ sông nhỏ bố trí cả ba mặt biển: biển Đông, biển phía Nam và biển Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan. Tri thức dân gian của cư dân cửa sông ven biển về con nước chính là những hiểu biết đã được cha ông truyền lại qua sự đúc kết các kinh nghiệm từ trong lao động hằng ngày. Các tri thức này là một tài sản vô giá cho hoạt động sinh kế, ứng xử với môi trường sinh thái của ngư dân. Nghiên cứu về con nước không mới, tuy nhiên bài viết này chỉ tiếp cận ở khía cạnh tri thức về con nước ở vùng biển Tây Nam Bộ.

Việc vận dụng kiến thức truyền thống vẫn thực sự cần thiết để hạn chế rủi ro. Dựa trên những kinh nghiệm được tích lũy, kế thừa từ

đời này qua đời khác, qua truyền khẩu, có quá trình nghiệm sinh (vận động thử nghiệm, tích lũy và hoàn thiện theo thời gian trong hoạt động sống của con người), chẳng hạn, qua nghiên cứu có nhiều câu tục ngữ liên quan đến tri thức về con nước vùng cửa sông ven biển và nghề đánh bắt vốn phụ thuộc nhiều vào thời tiết và môi trường như về quy luật của nhịp triều lên - xuống: "*Ba mươi nước kém, mười Mươi nước rong*", "*Nước kém cạn sông, nước rong cạn vũng*", những kiến thức này rất cần thiết cho việc tàu thuyền ra vào cửa sông, neo đậu hay tiến hành đánh bắt, chài lưới, đóng đáy ngoài khơi. Hay kinh nghiệm về bão có câu: "*Động nước trước động trời*"⁽⁵⁾, "*Đông già là bà Chướng*"⁽⁶⁾, "*Chớp Bắc thổi nồm, chớp Nam thổi Chướng*"⁽⁷⁾. Ngư dân có kinh nghiệm cụ thể về con nước, các mùa gió, hướng gió, luồng cá, loại cá trong từng tháng để dự liệu mùa vụ và chuẩn bị cho việc đánh bắt hiệu quả. Chẳng hạn từ tháng giêng cho đến tháng ba âm lịch có gió nồm xuất hiện ở hướng đông nam, từ tháng tư đến tháng bảy âm lịch thì thuộc về gió nam và tây nam, còn tháng tám đến tháng mười âm lịch là mùa gió chướng. Mùa gió chướng là mùa ít tôm cá nhất vì trời lạnh, nên ngày trước họ khó chài lưới, đánh bắt hiệu quả. Tháng ba và tháng tư âm lịch, tức thời điểm giao mùa gió nồm và nam, trời yên biển lặng, là mùa ngư dân Tây Nam Bộ khai thác được rất nhiều tôm cá, nên còn được gọi là mùa "*đồng chung*", có câu: "*Tháng Ba bà già đi biển*"⁽⁸⁾. Con người cũng dựa vào nhịp sinh học của các loài động vật, thực vật vùng cửa sông để tính con nước. Chẳng hạn câu hò: "*Bìm Bịp kêu nước lớn anh ơi - Buôn bán không lời chèo chống mới mê*". Bìm bịp là loài chim rất quen thuộc ở Tây Nam Bộ, mỗi khi nó kêu là báo hiệu nước lớn, tiếng bìm bịp cũng là đồng hồ sinh học, dự báo cho con nước sắp lên, dùng để chỉ thời gian của con nước, trong một ngày. Với ngư dân, câu chuyện về con nước không chỉ là vấn đề mưu sinh, cuộc sống, mà còn là văn hóa ứng xử, là đạo đức về tình người: "*Dẫu mà nước lớn đầy sông. Cầu trôi nhịp giữa anh không bỏ nàng*", hay thể hiện qua văn chương nghệ thuật:

Cám ơn con nước ròng sát kiệt/ Để dòng sông không che đậy lòng mình/ Để xuống ai cảm sào đọi nước/ Tình cờ ta còn gặp được nhau⁽⁹⁾.

1. Một số thuật ngữ về con nước

Sách ghi chép về con nước⁽¹⁰⁾ vùng cửa sông ven biển Tây Nam Bộ nổi bật có các ghi chép của Trịnh Hoài Đức: "*Tục thường lấy khi nước lớn làm "thủy đầu", đầu con nước cũng gọi nước rong*"⁽¹¹⁾, "*nước sát xuống là "thủy vĩ", cuối con nước, cũng gọi nước kém*" hay nước ròng⁽¹²⁾. Vùng biển Tây Nam dưới thềm biển phức tạp, có nhiều dòng nước chảy ngầm trong lòng biển nên thủy triều dâng mạnh, mau tràn ngập bờ. Địa thế phía tây bắc cao, phía đông nam lại thấp, cho nên khi nước rút lại chảy cuộn cuộn về phía đông nam, làm cho bãi sông mau khô cạn. Ngư dân ven biển thường bám sát quy luật và tình hình chuyển động của con nước "nước lớn, nước ròng" mà hành nghề đánh bắt. Kinh nghiệm dân gian đúc kết thường khi đầu con nước thì nhiều cá, khi cuối con nước thì ít cá. Khi giao thời giữa mùa mưa và mùa nắng, con nước lớn buổi sáng chưa xuống, mà con nước ròng buổi chiều đã nối tiếp, thêm có gió đông nam đẩy mạnh nên nước biển dâng lên, gọi là "đạp triều" hay nước ươn rong. Nguyên nhân là do thủy triều thay đổi mà nước không đáp ứng kịp theo nhịp độ của thủy triều. Ngư dân bằng kinh nghiệm đi biển được tích lũy, thực hành, óc phán đoán, khả năng thấu hiểu vùng biển, con nước, bước đi của sóng do vậy giúp tàu thuyền ra vào kịp lúc, thông thạo luồng lạch, tránh được tai nạn trước bão táp, diễn biến bất thường của tự nhiên.

Theo kinh nghiệm dân gian, thủy triều và mặt trăng có mối quan hệ khăng khít nhau, hoạt động của âm - dương theo quy luật tuần hoàn không đổi, còn gọi là "triều tín". Ngư dân cho rằng "gió là mẹ của nước và nước sinh ra từ gió" cho nên có gió thổi mạnh lên thì nước lớn (nước rong), gió lặng thì "*nước đứng*"⁽¹³⁾, sau các ngày Thượng huyền (mùng 8 và mùng 9) và Hạ huyền (22, 23) trong khoảng 2, 3 ngày nước rút dần xuống thì gió cũng thổi dịu dần. Người làm ngư nghiệp và

cư dân ven biển rất chú trọng tới con nước. Trong thực tế, tháng mười âm lịch là triều cường nhất. Cũng theo quy luật, ngày 17 âm lịch nước rong cao nhất: "Nước mười bảy nhảy bờ"⁽¹⁴⁾. Nước "ươn rong" là do nước lớn chưa đạt đỉnh triều thì đến con nước ròng, khi nước ròng chưa kịp thì gió đập đẩy nước biển vào nên nước ròng phải dừng lại, do đó nước cứ linh sinh một thời gian không ròng rồi nước đầy lại, nên gọi là nước linh sinh. Thủy triều Nam Bộ mỗi tháng có 2, 3 ngày nước ươn (con nước không có lớn - ròng). Tháng tám, tháng chín âm lịch thủy triều lớn khác thường, tiết Hạ chí nước lớn vào ban ngày, tiết Đông chí nước lớn vào ban đêm. Ngày 25, 26 nước bắt đầu lên, đến mùng một nước mạnh, mùng 3 mạnh hơn nữa, rồi sau dần con nước nhỏ lại. Đến ngày 11, 12 thì nước lại lên, ngày rằm nước mạnh, ngày 17 mạnh hơn nữa, sau con nước lại nhỏ dần. Dân đánh cá thường căn cứ vào quy luật nước lớn, nước ròng mà hành nghề đánh bắt.

Cư dân vùng cửa sông ven biển Tây Nam Bộ khi còn nhỏ đã phải biết quy luật của con nước. Lớn lên ai cũng được trao truyền những kiến thức về con nước vì sinh kế của người dân chính là nhờ vào việc vận dụng và khai thác quy luật của con nước. Nắm được quy luật và sự thay đổi của con nước thì sẽ biết cá tôm tụ hội ở đâu, loại cá nào, đánh bắt giăng câu sẽ được nhiều hay ít. Mùa nào thức nấy, tất thấy đều gắn chặt với con nước. Chẳng hạn, từ ngày 13 đến 20 âm lịch và từ ngày 27 đến mùng 5 âm lịch hàng tháng là ngày nước lớn⁽¹⁵⁾. Những ngày còn lại trong tháng là con nước ươn. Nước vừa lên đi câu là tốt nhất, lúc đó cá nhiều, cá lớn. Bên cạnh đó phải lựa chọn chỗ câu thích hợp, ai thích đi câu sông thì nên ngồi ở những chỗ có bờ kè, bờ đá, cây cọc, ở những chỗ có vật cản cá tập trung nhiều. Đi câu biển thì đi vào ban đêm, buông cần ở những nơi có cọc đóng đáy, có rạn đá. Đi câu ven bờ biển phải biết quan sát sóng biển, những khu vực có sóng biển cuộn lên tức nước nông, những khu vực không có sóng cuộn lên sẽ là điểm nước sâu hơn.

2. Một số đặc điểm của con nước

Miền Nam con nước theo chế độ bán nhật triều, một ngày có 4 con nước, 2 con nước lên, 2 con nước xuống, thời gian mỗi con nước kéo dài sáu giờ đồng hồ (3 canh giờ). Tuy nhiên, thực tế thì miền Nam có ngày có đến 5 hoặc 6 con nước trong một ngày và thậm chí vùng Bạc Liêu - Cà Mau có nơi một ngày có đến 8 con nước. Vì ngoài ảnh hưởng thủy triều theo mặt trăng, vùng này còn ảnh hưởng của gió, của mùa, của dòng hải lưu ven biển, Vịnh Thái Lan và vị trí của các đảo, bán đảo, quần đảo.

Trong thuật ngữ "con nước" tùy theo mỗi vùng cũng chứa đựng nhiều cách gọi và cách hiểu. Khi thủy triều dâng lớn, nước tràn vào trong sông, lúc này người ta gọi là nước lớn. Khi nước đã lớn đạt đỉnh triều thì gọi là đỉnh nước. Từ đỉnh nước chuyển sang giạt ròng để xoay sang con "nước xuống" hay nước ròng. Nhìn nước mặt chuyển dòng nhưng nước dưới đáy thì chưa, lúc này gọi là "nước giạt", khi toàn bộ hệ thống nước sông chảy mạnh ra biển thì gọi là "ròng xiết". Con "nước rong" là từ để chỉ con nước lớn, đạt đỉnh triều cao nhất. Khi con nước chảy sát kiệt lòng sông người ta gọi là con "nước ròng". Với những ngày không phải nước rong, dòng chảy không xiết lắm và hiền hòa thì khi nước xuống trung bình gọi là "nước mát". Những ngày khoảng mùng 9 - 12 hay 24 - 27 âm lịch, con nước trong các sông chảy yếu và đỉnh nước cũng thấp, những ngày này được gọi là ngày "nước kém". Khi nước lên nhưng chảy chậm lờ đờ gọi là con "nước ươn", hay còn gọi là "nước linh sinh". Khi sắp qua thời kỳ con nước ươn gọi là "nước ngằm", khi con nước bắt đầu mạnh trở lại và đục hơn thì gọi là "nước dậy". Trong dân gian, nói về con nước, có chu kỳ, có câu tục ngữ: "Hăm bốn nước ngằm, Hăm lăm nước dậy", "Mười bảy nước nhảy qua bờ"...

Quá trình nước lên và nước xuống, cửa sông và lòng sông bị ảnh hưởng bởi dòng chảy đã tạo ra các hiện tượng "nước vổ", do dòng nước bị ngáng bởi một doi vàm, một bờ kè, một khúc quanh vàm sông và dòng chảy như bị đẩy bật

ra. Hiện tượng nước vỗ trên mặt dòng nước sẽ có dợn sóng và đáy dòng sông hay cửa sông sẽ bị khoét sâu hơn và tạo thành bầu. Vàm sông thường không bằng phẳng do con nước vỗ mang bùn cát, chướng ngại vật trôi nổi trên sông sẽ bị xoáy dồn vào vàm, đây cũng là nơi trú ẩn của một số loài cá. Điều này lý giải tại sao một số thợ câu thường canh câu tại đây để bắt những loại cá lớn.

Trong dòng chảy của sông, nước tạo thành những "giọt nước", giọt là một thuật ngữ chỉ những dòng chảy khác chiều nhau trên một khúc sông. Dòng chảy của giọt là dòng chảy trên bề mặt thì lặng lẽ nhưng bên dưới chảy ngầm thì mạnh, sông càng sâu càng mạnh và đáy giọt là những chỗ sâu nhất trong lòng sông. Sông có thể hình thành nhiều giọt và ngư dân chỉ quan tâm tới giọt vào thời điểm nước ròng, gọi là "giọt ròng". Khi đó nước sẽ gom phần lớn cá vào các giọt, đánh bắt thời điểm giọt ròng sẽ hiệu quả.

Ở Tây Nam Bộ, thiên nhiên ưu đãi có ít nhất bốn con nước một ngày, ngư dân có đến tám thời điểm để đánh bắt, chài lưới và mùa nào cá ấy. Cách tính nước để đánh bắt ở vùng cửa sông, ven biển Tây Nam Bộ cũng cơ bản theo nguyên tắc "đầu con, cuối kiệt", ngư dân khi mưu sinh vùng này phải biết chính xác về thời điểm di chuyển nước lên - xuống ở từng giờ trong một ngày. Chẳng hạn, vào những ngày nước lớn (rong) thời điểm một giờ trước đầu con nước và một tiếng cuối con nước, cá ở cửa sông thường đi ăn mồi. Đối với những ngày nước nhỏ thì cá ăn lai rai cả ngày. Vùng cửa sông, cá thường tập trung ăn mồi nhiều khi con nước kém, nước ngầm và nước dậy, tới con nước rong thì thưa hẳn. Loại cá chêm thường ăn mạnh ở những ngày nước rong và thường là trong những thời điểm đầu con nước, lúc nước xuống hết cỡ và đang chuẩn bị ngoi lên lại thì cá chêm đi tìm mồi. Những luồng gió theo từng con nước cũng quan trọng, cá tráp đen cắn câu khi gió đông thì cá ăn rộ, gió tây cá chỉ ăn mồi khi gió thổi liên tục. Điển hình là có hai mùa câu cá bông lau rộ rết, gồm

mùa câu đón và mùa câu xổ. Câu cá chêm khoảng tháng 5 đến tháng 8. Câu cá ngát, tôm càng vào thời điểm nước tháng chạp cạn lại khi sắp hết mùa mưa. Đặc điểm của từng con nước và tháng đủ, tháng thiếu trong âm lịch của từng vùng cũng khác nhau. Với tháng âm lịch tháng đủ, nước sẽ mạnh xiết vào những ngày mồng một, ngày rằm. Thế nhưng, nếu là tháng thiếu 28 - 29 ngày thì những ngày dồn lên như vậy nước còn mạnh hơn cả tháng đủ ngày.

Vùng Tây Nam Bộ, các điểm giạt của "con nước giạt" thông thường mỗi ngày cách nhau 1 giờ 10 phút đến 1 giờ 45 phút tùy theo vị trí ở cửa sông ven biển hay sông nằm sâu trong đất liền. Những ngày nước lớn, khoảng ngày rằm hay 30 âm lịch, người ta thấy rõ nước giạt mạnh thành những gợn sóng tạo xoáy lớn. Người đi câu bằng ghe xuồng nhỏ qua những khúc sông này phải hết sức cẩn thận với những điểm nước giạt, một vùng xoáy nước lớn, cuộn cuồn dễ nhấn chìm xuồng ghe và người bơi, ngư dân hay gọi nơi này là "Bà thủy" bề giò hay bị hà bá, ma da rút⁽¹⁶⁾. Với những ngày nước ươn, nước linh sinh, một ngày có 5 con nước thì hiện tượng nước giạt này không rõ ràng và màu nước cũng trong hơn, do ảnh hưởng của gió, nước chảy không mạnh, các con nước có lúc gối đầu lẫn nhau tạo nên các cữ xuồng một lúc rồi lại dềnh lên mà không thành 4 cữ rõ rệt trong ngày. Thông thường con nước chên nhau về độ đầy, độ cạn trong 24 giờ, ngày hôm nay nước ươn ban ngày thì suy ra con nước đêm sẽ ròng sát kiệt và ngược lại. Thời điểm này, lúc nước ươn có thể câu được cá úc, cá ngát, đến khi nước giạt thì chuyển sang câu cá chêm, cá tráp hoặc móc theo để săn cá bông lau. Theo kinh nghiệm, nước càng đục cá chêm càng đói mồi, cá bông lau thường hay nương theo giọt nước để tránh nước chảy xiết mà kiếm mồi, nếu giọt nước có đáy là đất bồi, phù sa mịn, đáy giọt trơn nhẵn thì cá thích hơn phía giọt nước bên lở, nước xuống xiết, cá không muốn nương theo, phải chờ cho đúng khi nước liu riu nước xuôi xuống thì mới câu được cá bông lau. Đối với từng

vùng, nước có những đặc điểm chuyển động khác nhau, ngư dân cần phải nắm vững thì mới hành nghề được.

3. Những tác động của con nước đối với cuộc sống của ngư dân

Vùng ven biển Tây Nam Bộ có đặc điểm ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông lớn nên khi con nước ròng hạ xuống, nước trong các luồng lạch, sông nhỏ chảy dồn về sông lớn, con nước sẽ rút rất nhanh, dòng chảy mạnh đến nổi trôi lưới, cho nên khi sinh sống nơi đây ắt phải nắm vững sự chuyển động của con nước từng ngày, từng giờ. Ứng với việc chuyển đổi tốc độ dòng chảy của con nước mà ngư dân tổ chức sinh hoạt cuộc sống, hay buông câu, thả lưới, những lúc nước chuyển đổi tốc độ chảy là những lúc con cá từ nơi ẩn nấp, lộ diện nương theo dòng nước để đi tìm mồi.

Cá tôm là những loài động vật vô cùng nhạy cảm với thời tiết và các chuyển biến của khí hậu. Bình thường, cá tôm bao giờ cũng có xu hướng tập trung vào nơi có mồi và chúng luôn luôn sục sạo tìm mồi. Khi dùng cách bắt dụ nhử cá trong ao nuôi dễ thấy nhất khi thả thính và mồi dụ, sau ít phút, cá sẽ tụ tập đến nhưng không ăn ngay bởi chúng nhạy cảm với những cái lạ như dây, thèo, chì, lưới câu. Cho nên khi càng ra cửa sông ven biển, điều kiện thời tiết thay đổi, sự biến động của dòng nước càng làm chúng dễ dàng cảm nhận và sợ hãi hơn. Những người đi câu ven biển có kinh nghiệm trước khi biển động, cá ăn mồi rất mạnh, hình như chúng cố gắng tìm ăn mồi mà dự trữ năng lượng.

Bằng cách quan sát bầu trời, hướng gió, màu nước biển mà đoán tình hình thời tiết và quyết định ra khơi. Nếu bầu trời xuất hiện những "móng" mây đỏ, cong vòng như chiếc sừng trâu thì có lẽ trời sẽ đổ mưa. Nếu móng mây tụ lại làm thành quãng bao quanh mặt trời lại là điềm báo của hạn hán dài ngày hay dân gian có câu tục ngữ: "*Móng Đông vòng Tây, không mưa dây cũng bão giạt*". Nếu trời có ráng mờ vàng ruộm, mặt biển phẳng lặng, hiền hòa tức là sắp có bão lớn như ông cha đã căn dặn:

"*Ráng mờ vàng, ai có nhà thì chống*". Khi đang lênh đênh ngoài khơi, nếu thấy mặt biển đột ngột dùn từng đợt sóng, gió đẩy thuyền lướt nhanh, ráng đỏ một vùng trời, mây thấp vùn vụt đổi màu đỏ đậm hay "*Chớp thừng, chớp chèo, chẳng bão thì mưa*" thì ngư dân phải tìm đến bờ gần nhất để cập bến, tránh trú bão.

Ngư dân sống bằng nghề sông nước, nghề "*hòn treo cột buồm*", muốn cho sinh kế lâu bền thì không thể không dựa vào tự nhiên, phương châm phải "*tự cứu mình trước khi trời cứu*" trong đó không thể không quan tâm tới quy luật và chuyển động của con nước. Tri thức về con nước có một số quy luật như: ở miền Nam chế độ bán nhật triều, ngày đêm con nước lên xuống 4 lần, riêng vùng Cà Mau - Bạc Liêu có ngày con nước lên xuống 8 lần. Đối với các vùng cửa sông ven biển, nơi những vùng nước ảnh hưởng thủy triều mạnh thì chỉ nên tránh những ngày nước đỉnh (15 và 30 âm lịch) những ngày này cá tôm thu hoạch kém.

Thống kê kinh nghiệm của ngư dân những ngày đi câu có kết quả tốt trong một tháng gồm: theo âm lịch đợt đầu tháng từ ngày mùng 7 đến 13; cuối tháng từ ngày 21 đến 28. Đặc biệt các ngày âm lịch 12 - 15 và 27 - 30 là những ngày cá ít ăn câu thì câu theo kiểu lai rai cho đỡ "*nhớ nước*". Có người lý giải những ngày 15 hay 30 âm lịch nước lớn quá, loãng đi và cá dờn bỏ nơi nương náu bấy lâu kiếm tìm nơi ở mới, nước dâng cao ngập bờ thì cũng tạo mồi cho cá từ thiên nhiên nên cá không bị đói nên cá kém ăn mồi. Lý giải dân gian đó là những ngày sóc, vọng, ngày tròn trăng quá sáng, con cá sợ ánh trăng sáng; còn ngày 30 thì tối quá con cá không nhìn thấy mồi. Với các ao hồ, những ngày này cá cũng kém ăn, người ta lý giải rằng do "*lạ nước, lạ cái*" bởi vì nước lớn chảy tràn vào ao hồ khiến cá sợ. Thực tế, những ngày nêu trên ngư dân thu hoạch đều kém hẳn. Theo kinh nghiệm dân gian, nên đi câu vào những ngày đổi nước, xoay nước và dậy nước. Những ngày nước kém, nước mái và nước ươn, các loại cá, tôm có thể ăn mồi lai rai cả ngày.

Khi không có la bàn, kinh nghiệm của người đi biển định hướng theo sao mai để đi về phía đông và sao Cá Liệt để dẫn tàu về hướng nam. Giữa biển khơi cũng có thể nhìn lớp sóng để biết đang ở vùng nào của biển. Màu nước biển sậm, tức tàu đang ở ngoài khơi, cách bờ khoảng 30 đến 50 hải lý, nếu nước có màu bâng bạc thì tàu chỉ cách bờ từ 5 đến 10 hải lý. Khi sóng biển lặn tăn lúc nhỏ, lúc to tức là sóng đã vướng bờ. Vào ban đêm, nhìn con nước nếu nổi "ngời" sáng, lấp lánh tựa sao rải đều mặt biển hoặc đàn đom đóm chớp tắt liên hồi, gió nhẹ thì đây là thời tiết thuận lợi nhất cho việc ra khơi. Khi kéo lưới thấy vắn đục, nhiều bùn, rêu vướng ở mắt lưới, nước biển đang bình thường lại đột ngột chảy xiết là dự báo khả năng trời sắp có bão và phải thu lưới cho tàu cập bờ ngay. Ngư dân từ nhỏ được chỉ bảo, tập luyện cách lắng nghe âm thanh sóng biển để đoán biết thời tiết, nếu sóng biển ban đêm reo lên những tiếng thanh trong, nhẹ như chuông gió thì trời có thể mưa nhưng không có bão, ngư dân có thể yên tâm bám khơi. Ngược lại, nếu sóng gầm gừ, đe dọa, trời chuyển gió dấu hiệu sẽ có mưa lớn và có thể bão theo sau. Theo ngư dân trên tàu đánh cá, khi thấy cả đàn mực ống và cá kiếm bơi theo đàn trên mặt nước, như dân gọi là "cá chạy bầy" thì ngày hôm sau có giông lớn, biển động vài ngày. Khi ngư dân đi câu, dù lịch là ngày con nước đang lúc "đẹp" cho đánh bắt nhưng nếu có giông, động đất, sấm chớp thì thu hoạch cũng sẽ không có kết quả gì. Câu trong sông cũng không thuận lợi vì trước những cơn giông bão, những ụ mối vỡ ra, tổ kiến tan đàn là mối ngon từ thiên nhiên, rơi xuống nước và cá sẽ không đói nên khi câu, cá không ăn.

Xuất phát từ chính cuộc sống lao động của nhân dân, những ứng xử tự nhiên và ứng xử xã hội trong văn hóa nông nghiệp mang tính truyền khẩu là chính. Khi muốn trao truyền kinh nghiệm tri thức cho đời sau về tự nhiên như thời tiết, con nước, về sản xuất nông nghiệp vùng cửa sông, ven biển dân gian thường dùng cách phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp qua ca dao, tục ngữ. ■

Chú thích

- (1) Đào Duy Anh (2005), "Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt" trong *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- (2) Diện tích khoảng 40.000 km², gồm 13 tỉnh, thành sau: Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, An Giang.
- (3) Với ba mặt giáp biển, mỗi vùng cửa sông, ven biển có đặc điểm về hải lưu, hướng gió khác nhau.
- (4) Hệ thống sông Cửu Long có 9 cửa biển: Cửa Tiểu, Cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắt, Tranh Đề. Hai trong số chín cửa sông Cửu Long là Ba Lai và Bát Sắc đã bị nghẽn do bồi lắng và cống đập ngăn mặn.
- (5) Nhìn nước chảy đục và sỏi nhẹ là ngày hôm sau bắt đầu có giông gió mạnh.
- (6) Vào tiết mùa đông là bắt đầu có gió chướng.
- (7) Nếu thấy có ánh chớp ở hướng bắc thì gió nồm thổi, có ánh chớp ở hướng nam thì có gió chướng.
- (8) Dương Hoàng Lộc (2013), "Diện mạo văn học dân gian của cộng đồng ngư dân vùng ven biển Bến Tre", Tạp chí *Văn hóa du lịch*, số 10 (64).
- (9) Thơ Nguyễn Trọng Tín, Hội Nhà văn Việt Nam. Vùng Tây Nam Bộ khi nước ròng kiệt cạn sát đáy sông, các loại phương tiện xuống ghe phải dừng chờ nước lớn mới đi lại được.
- (10) Con nước: từ chỉ chu kỳ thủy triều nước lên hoặc nước xuống.
- (11) Con nước ròng: là con nước lớn, nước lên, chỉ hướng chảy chính của con nước từ biển chảy vào sông.
- (12) Con nước ròng: là nước kém, nước kiệt, chỉ hướng chảy con nước từ trong sông chảy ra biển.
- (13) Nước đứng: nước dừng ở đỉnh triều.
- (14) Nước dâng cao tràn bờ.
- (15) Những ngày này về giao thông đi lại sẽ thuận lợi nhất, tàu lớn vào sâu trong sông mà không sợ mắc cạn.
- (16) Nơi này thường có miếu thờ ven sông.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hồng Liên chủ biên (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Sakurai Tatsuhiro (2006), "Tìm hiểu thâm họa thiên tai từ văn hóa dân gian" trong *Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập*, Hội Folklore châu Á, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - Kinh tế văn hóa của ngư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb. Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUONG
Hội đồng Nhân dân tỉnh Cà Mau